TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST
Ngày: 28/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Đức
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
2. Bà Võ Thanh Nga
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng - cán bộ Tòa án nhân dân Quận N Thành phố Hồ Chí Minh.
Q diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Quốc Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 30/3/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Tuyết A**; tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; sinh ngày 10/5/1991 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi ĐKHKTT: 570 E, phường F, Quận J; chỗ ở: 570 E, phường F, Quận J; học vấn: 01/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trương Hoành K, sinh năm 1976 (chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm, 1972; Chồng: sống chung như vợ chồng với Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1990; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; hiện mang thai 05 tháng 01 tuần; tiền án: Ngày 08/01/2019, Trương Tuyết A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân Quận J xử 09 tháng tù (Bản án số 42/2019/HS-ST). Đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 25/12/2019 đến nay; tiền sự: không có; Bị cáo "có mặt".

+ Người bị hại:
Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1999 "vắng mặt" ;
Địa chỉ: 19R, phường P, Quận G, TP. Hồ Chí Minh.
+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Ngô Viết B, sinh năm1972 "có mặt";
Địa chỉ: 136/39 V, Phường M, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.
Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1995 "vắng mặt";
Địa chỉ: 18 I, phường Ch, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Tuyết A sống chung như vợ chồng với Nguyễn Tuấn C (sinh năm 1990, địa chỉ: 3/26 Y, phường F, Quận J). Ngày 21/9/2019, A và C đến chung cư W – số 132 Ư, Phường M, Quận N để tìm anh Q (không rõ lai lịch, sống tại chung cư trên) để lấy lại xe gắn máy hiệu Wave nhưng không gặp. Sau đó, A và C đến cửa hàng tiện ích số GS25 lô B chung cư W ăn uống và ngủ tại đây. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/9/2019, A nói với C ở đây đợi A đi tìm anh Q. A đi lòng vòng trong chung cư, khi đến bãi đậu xe trước cửa hàng thấy xe gắn máy hiệu Honda, loại Future FI 125, màu xám đen, biển số 79H1-230.95 của chị Phạm Thị Kim H không người trông coi nên A đến ngồi lên xe dùng chân đẩy xe ra đường Đ, sau đó dắt bộ đến gửi tại bãi xe Bệnh viện Quận N, rồi đi tìm người cắt chìa khóa xe. A đi bộ đến ngã tư D-H thấy ông Ngô Viết B là thợ cắt khóa nên A quay lại bãi xe Bệnh viện Quận N dắt xe vừa trộm được đến nhờ ông B cắt khóa. Cắt khóa xong với giá 40.000 đồng, A không đủ tiền nên đưa cho ông B 20.000 đồng và 01 căn cước công dân hẹn quay về nhà lấy 20.000 đồng trả cho ông B. Sau khi cắt khóa xe xong, A điện thoại hẹn C đến công viên bờ kè kênh Tàu Hủ. Tại đây, A đưa xe vừa trộm được cho C sử dụng và nói với C là xe mượn của bạn nhưng C không đồng ý sử dụng xe này và bỏ đi. A chạy xe trên đến trước số 139 Ư, Phường M, Quận N dựng xe rồi qua chung cư W tìm C.

Chị Phạm Thị Kim H là nhân viên bán hàng của cửa hàng tiện ích số GS25 lô B chung cư W, sau khi tan ca ra về phát hiện xe gắn máy hiệu Honda, loại Future FI 125, màu xám đen, biển số 79H1-230.95 của mình bị mất nên đến Công an Phường M, Quận N trình báo.

Sau khi xem lại camera bảo vệ chung cư biết A là người đã lấy trộm xe trên. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 23/9/2019, bảo vệ chung cư phát hiện A quay lại chung cư nên báo cho Công an Phường M, Quận N. Công an Phường M, Quận N đưa A về trụ sở làm việc và thu hồi lại chiếc xe trên.

Theo Kết luận số 100/KL-HĐĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận N kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Future FI 125, màu xám đen, biển số 79H1-230.95, đã qua sử dụng, có giá trị là 21.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trương Tuyết A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Tuấn C và Ngô Viết B không biết cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của A nên không có căn cứ để xử lý.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 17/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận N đã truy tố bị cáo Trương Tuyết A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Tuyết A đã thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Kim H đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Người bị hại là bà Phạm Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra, bà H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B có mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu gì về dân sự; ông Huỳnh Thanh D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra không có yêu cầu gì về dân sự. Do đó không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, Q diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Trương Tuyết A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù; miễn hình phạt bổ sung do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về phần dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên không tham gia tranh luận; Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an Quận N, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/9/2019, tại trước cửa hàng tiện ích số GS25 lô B chung cư W – số 132 Ư, Phường M, Quận N, Trương Tuyết A thấy không có người trông coi, lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Future FI 125, màu xám đen, biển số 79H1-230.95, đã qua sử dụng, có giá trị là 21.500.000 đồng của chị Phạm Thị Kim H. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm

cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận N đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ, mục đích muốn có tiền tiêu xài, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm làm xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn ở địa phương. Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa chấp hành xong bản án do được tạm hoãn thi hành án, tuy nhiên trong thời gian tạm hoãn thi hành án bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, cần có mức án nghiêm khắc xử phạt tương xứng tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo hiện đang mang thai để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét bị cáo hoàn cảnh kinh tế có khó khăn nên không cần thiết pD áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Người bị hại bà Phạm Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, quá trình điều tra bà H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra đến nay, ông B và ông D không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: 01 chìa khóa xe có cán màu đen, trên cán có ghi chữ HONDA (đây là chìa khóa A cắt của ông B). Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 bộ quần áo màu xanh, trắng, đen có chữ CHA màu trắng. Đây là trang phục cá nhân của Trương Thị Tuyết A cần trả lại cho Trương Thị Tuyết A; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám, có ốp lưng bằng nhựa màu hồng, đã qua sử dụng. Đây là tài sản cá nhân của Trương Thị Tuyết A, không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 căn cước công dân mang tên Trương Tuyết A. Đây là tài sản cá nhân nên trả lại cho Trương Thị Tuyết A.

- 02 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo (lưu hồ sơ vụ án). Đây là chứng cứ quan trọng đã lưu trong hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020 giữa Công an Quận N và Chi cục Thi hành án dân sự Quận N)

[7] Về án phí: Bị cáo pD nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Tuyết A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trương Tuyết A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 42/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận J, TP. Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Trương Tuyết A pD chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019 nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước là 02 (hai) tháng 07(bảy) ngày (từ ngày 08/01/2019 đến 15/03/2019). Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe có cán màu đen, trên cán có ghi chữ HONDA.

+ Trả lại cho Trương Tuyết A 01 bộ quần áo màu xanh, trắng, đen có chữ CHA màu trắng, đã qua sử dụng và 01 căn cước công dân mang tên Trương Tuyết A; trả lại cho Trương Tuyết A 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xám, có ốp lưng bằng nhựa màu hồng, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 08/4/2020 giữa Công an Quận N và Chi cục Thi hành án dân sự Quận N).

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo pD nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pD thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

. Bị cáo (1)
. Người tham gia tố tụng (3)
. CA TPHCM (PC 53) (1)
. TAND TP.HCM (1)
. Sở Tư pháp TP.HCM (1)
. VKSND Q4 (2)
. CA Q4 (2)
. THADS Q4 (1)
. THAHS Q4 (3)
. Lưu VP - hồ sơ. (2)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thảo